

ĐỀ TÀI KHOA HỌC

SỐ: 10-CS-2005

**NGHIÊN CỨU XÁC ĐỊNH NỘI DUNG THÔNG TIN VÀ HÌNH THỨC
CUNG CẤP THÔNG TIN THỐNG KÊ PHỤC VỤ
YÊU CẦU HỢP TÁC QUỐC TẾ**

1. Cấp đề tài : Cơ sở
2. Thời gian nghiên cứu : Năm 2005
3. Đơn vị chủ trì : Vụ Hợp tác Quốc tế
4. Đơn vị quản lý : Viện Khoa học Thống kê
5. Chủ nhiệm đề tài : CN. Nguyễn Văn Phẩm
6. Những người phối hợp nghiên cứu:

CN. Bùi Ngọc Tân

CN. Nguyễn Anh Tuấn

ThS. Lê Đình Ký

CN. Nguyễn Văn Bảo

CN. Lê Thu Hiền

CN. Nguyễn Thị Tâm

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất nước ta đang phát triển với tốc độ mà bạn bè thế giới đều công nhận. Trong bối cảnh ấy, hợp tác quốc tế (HTQT) là một lĩnh vực hoạt động không những không thể thiếu được, mà ngày càng trở nên vô cùng quan trọng của cả Nhà nước cũng như của mỗi Bộ, ngành, mỗi cơ quan, đơn vị.

Nghị định số 101/2003/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2003 của Chính phủ cho phép Tổng cục Thống kê (TCTK) thành lập Vụ HTQT – lần đầu tiên trong lịch sử gần 60 năm tồn tại ngành Thống kê nước ta có cơ quan làm nhiệm vụ HTQT là một Vụ chuyên môn trực thuộc Tổng cục đã đủ thấy tầm quan trọng của công tác này đối với ngành.

Ngoài chức năng làm công tác HTQT thuần như đề xuất, xây dựng, triển khai các văn bản về HTQT của TCTK, làm đầu mối về QHQT và hội nhập thống kê quốc tế, quản lý các dự án có yếu tố nước ngoài, thực hiện các thủ tục đối ngoại, .v.v., thì HTQT của ngành thống kê còn có một nhiệm vụ không kém phần quan trọng là phổ biến thông tin thống kê Việt Nam (VN) cho quốc tế. Quyết định của Tổng cục trưởng TCTK ngày 15 tháng 9 năm 2004 với Điều 1 ghi rõ: Vụ HTQT là đơn vị thuộc TCTK có chức năng giúp Tổng cục trưởng quản lý, chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác hợp tác quốc tế và thống kê nước ngoài trong phạm vi toàn ngành (Nhiệm vụ 10.b: Phổ biến thông tin thống kê VN cho quốc tế).

Phổ biến thông tin thống kê VN cho quốc tế là một trong những hoạt động quan trọng của quá trình hội nhập quốc tế. Chủ động hội nhập quốc tế ở đây của ngành thống kê nước ta cũng chính là chủ động phổ biến thông tin thống kê VN ra nước ngoài, một hình thức hữu hiệu để:

- Quảng bá cho thế giới biết và hiểu về hình ảnh đa dạng và nhiều chiều của đất nước ta qua những con số;
- Thực hiện nghĩa vụ quốc tế của ngành thống kê nước ta với các tổ chức quốc tế và các quốc gia có quan hệ;
- Thu hút bạn bè quốc tế đến với đất nước ta, hợp tác với chúng ta cùng phát triển;

- Nâng cao vị thế của ngành thống kê nước ta trên vũ đài quốc tế. Uy tín của TCTK có cao hay không đối với các cơ quan, tổ chức quốc tế phụ thuộc nhiều vào chất lượng và số lượng thông tin thống kê mà chúng ta đáp ứng kịp thời cho họ.

Thực ra vấn đề cung cấp thông tin thống kê nước ta ra thế giới đã được TCTK thực hiện từ lâu, từ thời kinh tế kế hoạch tập trung. Nhưng bối cảnh của đất nước xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa với đường lối đối ngoại linh hoạt, đa dạng, đa phương ngày nay đã khác. Yêu cầu về số liệu thống kê nước ta từ phía các cơ quan, doanh nghiệp, các nhà đầu tư và tổ chức quốc tế ngày càng nhiều và phong phú. Các đối tượng sử dụng thông tin thống kê VN cũng ngày càng đông đảo.

Những năm gần đây, tuy đã có những cố gắng lớn, song việc đáp ứng thông tin thống kê VN cho người dùng tin là đối tượng nước ngoài vẫn còn nhiều hạn chế, các ấn phẩm quốc tế mà phần của VN vẫn còn bỏ trống nhiều, mặc dù có những số liệu chúng ta chưa thể thống kê được, song có những số liệu rõ ràng là đã phổ biến trong nước, nhưng vẫn chưa thấy xuất hiện trên các ấn phẩm quốc tế. Chỉ lấy một ví dụ cụ thể để minh họa cho tình trạng này, đó là chỉ tiêu thống kê "Tỷ lệ nhập học chung" và "Tỷ lệ nhập học đúng tuổi" của các cấp giáo dục: tiểu học, trung học cơ sở và Trung học phổ thông. Những chỉ tiêu này đã được công bố rộng rãi trong các ấn phẩm thống kê "Các chỉ tiêu thống kê xã hội Việt Nam những năm đầu thế kỷ 21" và "Bình đẳng giới ở Việt Nam những năm đầu thế kỷ 21" do TCTK xuất bản. Ấy thế nhưng trong tài liệu công bố của Cơ quan thống kê Liên hợp quốc phục vụ theo dõi về việc thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ (Millennium Development Goals-MDGs) của các quốc gia trên thế giới, thì các chỉ tiêu trên lại bị coi là không có số liệu. Hay như chỉ tiêu về khoảng cách giàu nghèo của Việt Nam, ấn phẩm thống kê của Liên Hợp Quốc lại coi số liệu gần đây nhất là năm 1992 dựa vào tài liệu Điều tra mức sống dân cư năm 1992 của Bộ kế hoạch và Đầu tư phối hợp với TCTK năm 1992-1993 Việt Nam Living Standard Survey-VLSS), mặc dù chỉ tiêu này đã có thường xuyên 2 năm một lần qua các cuộc điều tra mức sống dân cư các năm 1997-1998, 2001-2002, và mới đây nhất là cuộc điều tra mức sống dân cư năm 2004.

Rõ ràng, công tác này cần phải được chấn chỉnh và làm tốt hơn nữa, và mục đích của đề tài nghiên cứu khoa học này là nhằm cải tiến, phát triển và đẩy mạnh hơn nữa công tác đáp ứng số liệu thống kê nước ta của Tổng cục Thống kê cho các đối tượng nước ngoài sử dụng.

Để làm được điều mong muốn ấy, đề tài nghiên cứu khoa học này được thực hiện qua một số việc sau đây:

- Tiến hành nghiên cứu việc cung cấp thông tin thống kê cho đối tượng sử dụng là người nước ngoài ở cơ quan thống kê các nước khu vực và thế giới, để qua đó có thể rút ra được những kinh nghiệm nào đó có thể áp dụng có hiệu quả phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh thực tế của ngành thống kê nước ta;

- Nghiên cứu thực trạng việc cung cấp thông tin của Tổng cục Thống kê cho nước ngoài những năm vừa qua trên các giác độ:

+ Phân loại các đối tượng nước ngoài có sử dụng thông tin thống kê VN;
+ Xem xét, nghiên cứu nhu cầu thông tin thống kê Việt Nam của các đối tượng nước ngoài;

+ Xem xét, nghiên cứu, đánh giá về nội dung thông tin mà các đối tượng nước ngoài có yêu cầu;

+ Xem xét, nghiên cứu, đánh giá thực tế về cách thức tổ chức đáp ứng những thông tin mà các đối tượng nước ngoài có yêu cầu;

- Trên cơ sở thực tiễn về nhu cầu, nội dung, cách tổ chức đáp ứng thông tin thống kê VN của TCTK cho nước ngoài mà đề ra các giải pháp phù hợp với Luật thống kê, cơ cấu tổ chức của ngành Thống kê nước ta, sao cho kết quả đạt mức tốt nhất, đảm bảo đúng chức năng nhiệm vụ trong lĩnh vực HTQT, góp phần nâng cao uy tín của ngành Thống kê nước ta trên vũ đài quốc tế, đồng thời cũng là góp phần vào quá trình chủ động hội nhập quốc tế theo phương châm phát triển đất nước của Đảng và Chính phủ trong xu thế toàn cầu hoá kinh tế thế giới:

+ Giải pháp về nội dung thông tin;

+ Giải pháp về tổ chức hoạt động cung cấp thông tin;

+ Giải pháp về hình thức đáp ứng thông tin.

- Rút ra các kết luận sau quá trình nghiên cứu và đưa ra các kiến nghị với Tổng cục trong lĩnh vực hợp tác quốc tế về cung cấp thông tin thống kê nước ta cho quốc tế.

I. THỰC TRẠNG NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC CUNG CẤP THÔNG TIN CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG NƯỚC NGOÀI Ở TCTK HIỆN NAY

1. Nhu cầu thông tin thống kê Việt Nam của các đối tượng nước ngoài

a. Phân loại các đối tượng nước ngoài hiện đang có nhu cầu sử dụng thông tin thống kê nước ta

Trong xu thế toàn cầu hoá kinh tế, nước ta thực hiện nền kinh tế mở cửa và chủ động hội nhập, các nhà đầu tư nước ngoài đến nước ta làm ăn ngày càng nhiều, uy tín của nước ta trên vũ đài kinh tế và chính trị quốc tế ngày càng được nâng cao, Nhà nước ta tham gia nhiều thể chế quốc tế, nên nhu cầu thông tin thống kê VN của các đối tượng quốc tế ngày càng cao, các đối tượng là nước ngoài ngày càng nhiều trong việc đòi hỏi thông tin thống kê VN. Qua thực tế theo dõi nhiều năm, có thể phân loại các đối tượng dùng tin là người nước ngoài thành các nhóm chủ yếu như sau:

- Các thể chế quốc tế có uy tín lớn: Đây là những tổ chức quốc tế mà ta phải có nghĩa vụ cung cấp thông tin thống kê. Cụ thể là Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Cơ quan Thống kê Liên hợp quốc (UNSD), Ngân hàng phát triển châu Á (ADB), Vụ Thống kê thuộc Ủy ban Kinh tế và Xã hội châu Á - Thái Bình Dương (ESCAP), .v.v.

- Các tổ chức khác tuy cũng rất có uy tín, nhưng nặng về khía cạnh chuyên môn, ví dụ Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Tổ chức Nông nghiệp, Lương thực quốc tế (FAO), Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam châu Á (ASEAN), ...

- Cơ quan thống kê và tổ chức quốc gia các nước: Ma-lai-xi-a, Trung Quốc, Nhật Bản, ...

- Các nhà nghiên cứu, doanh nhân: Ví dụ sinh viên gửi yêu cầu từ I-ta-li-a, từ Pháp, Nhật ... , hay các nhà nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới (WB),

Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc (UNDP), Hiệp hội các nước sản xuất cao su (ANRPC).

b. Nhu cầu thông tin thống VN của các đối tượng nước ngoài

Nhu cầu số liệu VN của IMF: IMF là tổ chức quốc tế không liên hệ trực tiếp yêu cầu thông tin thống kê từ TCTK, mà thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) làm đầu mối cung cấp cho IMF. Do đó, hàng tháng, Vụ HTQT Ngân Hàng Nhà nước gửi công văn yêu cầu sang TCTK, Vụ HTQT TCTK chiếu theo yêu cầu đó, phối hợp cùng các Vụ liên quan, soạn thảo số liệu rồi gửi trả lại NHNN với các thống kê chủ yếu sau:

- . Tỷ giá hối đoái thị trường (đầu kỳ, cuối kỳ, bình quân trong kỳ);
- . Tình trạng tiền tại Quỹ (SDR, dự trữ, nợ, ...);
- . Khả năng thanh toán quốc tế (10 chỉ tiêu về tiền, vàng và ngoại tệ);
- . Thống kê tiền tệ (10 chỉ tiêu liên quan đến tiền, vốn, ...);
- . Thống kê (15 chỉ tiêu liên quan đến ngoại tệ, tiền gửi, ...);
- . Các thống kê điều tra ngân hàng (8 chỉ tiêu);
- . Tỷ lệ lãi suất (4 chỉ tiêu);
- . Chỉ số giá tiêu dùng (CPI);
- . Khả năng giao dịch quốc tế (xuất, nhập khẩu);
- . Cán cân thanh toán (40 chỉ tiêu trong lĩnh vực cán cân thanh toán);
- . Tài chính chính phủ (10 chỉ tiêu thu, chi Ngân sách Chính phủ);
- . Tài khoản quốc gia (12 chỉ tiêu về tài khoản quốc gia);
- . Dân số.

Tổng cộng có khoảng 122 chỉ tiêu thống kê do IMF yêu cầu Tổng cục thống kê đáp ứng hàng tháng, trong đó có 16 chỉ tiêu là do Tổng cục thống kê tiến hành thu thập, cụ thể là CPI, dân số, xuất nhập khẩu và 12 chỉ tiêu thuộc tài khoản quốc gia, còn lại hầu hết là các chỉ tiêu thống kê tiền tệ, ngân hàng, tài chính, tín dụng, thu chi ngân sách, ...

Nhu cầu số liệu VN của ADB: ADB gửi trực tiếp yêu cầu cho TCTK mà không qua đầu mối trung gian nào với gần 290 thống kê chủ yếu sau, trong đó 190 chỉ tiêu là do TCTK thu thập, còn lại 100 thuộc Bộ, ngành:

- . Các chỉ tiêu về dân số (4 chỉ tiêu);
- . Chỉ tiêu về lực lượng lao động, việc làm, thất nghiệp (11 chỉ tiêu);
- . Tài khoản quốc gia (75 chỉ tiêu theo ngành, mục đích sử dụng);
- . Sản lượng sản phẩm chủ yếu (25 chỉ tiêu);
- . Năng lượng (14 chỉ tiêu);
- . Chỉ số giá (6 chỉ tiêu liên quan đến CPI và chỉ số giảm phát);
- . Tiền tệ và ngân hàng (22 chỉ tiêu);
- . Tài chính Chính phủ (25 chỉ tiêu);
- . Ngoại thương (57 chỉ tiêu về xuất nhập khẩu theo SITC);
- . Cán cân thanh toán (25 chỉ tiêu);
- . Dự trữ quốc tế (5 chỉ tiêu);
- . Tỷ giá hối đoái (2 chỉ tiêu);
- . Nợ nước ngoài (20 chỉ tiêu).

Nhu cầu số liệu VN của UNSD: Cơ quan thống kê LHQ luôn có liên hệ trực tiếp với TCTK yêu cầu đáp ứng số liệu với 54 các thống kê do TCTK thu thập và công bố:

- . Dân số (4 chỉ tiêu);
- . CPI (2 chỉ tiêu);
- . PPI (Chỉ số giá sản xuất): 9 chỉ tiêu thuộc các nhóm hàng chủ yếu;
- . Chỉ số sản xuất công nghiệp (4 chỉ tiêu chung và các lĩnh vực);
- . Sản lượng công nghiệp (17 chỉ tiêu);
- . Xây dựng và giao thông (6 chỉ tiêu);
- . Ngoại thương (12 chỉ tiêu xuất nhập khẩu).

Nhu cầu số liệu VN của cơ quan thống kê quốc gia các nước: Qua theo dõi nhiều năm, thấy các yêu cầu gửi về không thường xuyên, nội dung và cấp độ chi tiết cũng rất đa dạng, thường là các thông tin về:

- . Dân số;
- . Lao động, công ăn việc làm;
- . Bảo vệ môi trường;
- . Y tế, sức khỏe;
- . Giáo dục;
- . Đời sống dân cư;
- . Giao thông, bưu chính viễn thông;
- . Cơ sở hạ tầng;
- . Giá cả, ...

Nhu cầu số liệu của các nhà đầu tư, kinh doanh quốc tế: Yêu cầu của các đối tượng này không nhiều và không thường xuyên, rất đa dạng, như:

- . Lượng cao su tự nhiên tồn kho, phân theo chủng loại;
- . Sản lượng cao su tự nhiên sản xuất, phân theo chủng loại;
- . Các yếu tố ảnh hưởng tới thị trường cao su tự nhiên;
- . Tác động của thời tiết đối với sản lượng cao su tự nhiên;
- . Các thống kê về thời tiết, khí hậu;
- . Các thống kê về tình hình kinh tế – xã hội;
- . Các thống kê sản phẩm chi tiết từng tháng, ...

Nhu cầu số liệu của các nhà nghiên cứu, khoa học thế giới: khi nghiên cứu các công trình liên quan tới nước ta, thỉnh thoảng cũng có những yêu cầu thông tin trực tiếp gửi đến TCTK. Thông thường các yêu cầu này cũng rất đa dạng và phong phú tùy theo mục tiêu nghiên cứu của họ.

Một đặc điểm rất quan trọng trong nhu cầu thông tin của loại đối tượng này là rất chi tiết theo địa phương (tỉnh, huyện, thậm chí cả cấp xã, thôn, như

làng nghề chẳng hạn). Điều này hầu như bất cập với TCTK, vì Luật đã phân cấp cho địa phương thực hiện, số liệu tỉnh ở TCTK rất hạn chế.

Một hai năm gần đây, có thể nói nở rộ các đợt yêu cầu thông tin thống kê của các tổ chức quốc tế để theo dõi việc thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ (MDGs), quá trình Phát triển bền vững, để tính toán các chỉ số khác nhau mà các cơ quan, tổ chức quốc tế mới đây nghiên cứu và đề xuất, ví dụ chỉ số hội nhập quốc tế, chỉ số hội nhập khu vực, chỉ số mở cửa nền kinh tế, chỉ số cạnh tranh, chỉ số phát triển con người (HDI), ...

Gần đây nhất, vào tháng 10 năm 2005, để thực hiện Chương trình hành động Viên Chăn của Hội nghị Thượng đỉnh những người đứng đầu các quốc gia thuộc Hiệp hội các nước Đông Nam châu Á (ASEAN Summit), Ban Thư ký ASEAN yêu cầu các quốc gia cung cấp thông tin thống kê để xây dựng Báo cáo Gốc của ASEAN nhằm đánh giá tiến độ thực hiện các hướng hợp tác ưu tiên trong nội khối, cũng như đánh giá mức độ hội nhập và mức độ gắn kết giữa các quốc gia trong khu vực với gần 400 chỉ tiêu, trong đó có nhiều chỉ tiêu theo phân tổ hỗn hợp mà không theo các phân loại chuẩn quốc tế. Một số chỉ tiêu chưa hề có ở TCTK mà lại rất quan trọng tại thời điểm hiện nay, ví dụ số hiệp ước quốc tế đã ký kết và cuộc đối thoại đã thực hiện (phân theo đối tác và lĩnh vực).

Qua đó có thể thấy nhu cầu thông tin thống kê của các cơ quan và tổ chức quốc tế ngày càng nhiều, càng phong phú, càng đa dạng, khác hẳn với những chỉ tiêu truyền thống mà ngành Thống kê nước ta vẫn tính toán, mà đây lại là nhiệm vụ bắt buộc mà ngành Thống kê các nước thành viên phải thực hiện.

2. Thực trạng cung cấp thông tin thống kê nước ta cho các đối tượng nước ngoài hiện nay

a. Đối chiếu kết quả đáp ứng thông tin cho quốc tế của một số cơ quan thống kê khu vực và thế giới

Xu thế toàn cầu hoá kinh tế và hội nhập quốc tế đòi hỏi các quốc gia đều cần tới thông tin thống kê của nhau. Mỗi cơ quan thống kê quốc gia tùy theo năng lực và điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của mình mà có những cách thức tổ

chức đáp ứng thông tin cho các đối tượng quốc tế, và do đó kết quả của việc đáp ứng cũng không đồng nhất như nhau.

Nói chung, hầu hết cơ quan Thống kê các quốc gia đều thực hiện đáp ứng số liệu cho quốc tế thông qua bộ phận quan hệ quốc tế của mình.

Ngoài các hình thức phổ biến là trao đổi các ấn phẩm, nhất là Niên giám Thống kê, ngày nay, với sự phát triển ồ ạt của khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin hiện đại, việc này được thông qua Mạng điện tử – trang Web trên Internet, tuy mức độ chi tiết và nội dung thông tin trên các trang Web của các quốc gia có khác nhau về khối lượng, mức độ chi tiết cũng như tính cập nhật.

Tờ gấp cũng là một hình thức hữu hiệu phổ biến thông tin thống kê ra nước ngoài hoặc cho các du khách quốc tế. Kinh nghiệm Xin-ga-po và Phi-lip-pin cho thấy, Cục Thống kê các nước này hàng năm in hàng vạn tờ gấp kích thước bằng vừa bàn tay, chữ nhỏ, với nội dung ngắn gọn theo từng chủ đề, từng lĩnh vực, nhất là các lĩnh vực nhạy cảm, như người ta vẫn gọi là các lĩnh vực “hàn thử biểu” của nền kinh tế, như (GDP, giá, thất nghiệp, ...) để phát miễn phí cho các đối tượng khác nhau ngay tại các cửa khẩu, sân bay, nhà ga, các cơ quan ngoại giao trong nước và ở nước ngoài, vào Đại sứ quán Xin-ga-po tại Hà Nội cũng có thể tự do lấy các tờ gấp ấy.

Để đánh giá thực trạng đáp ứng thông tin thống kê của nước ta cho nước ngoài, có thể nhìn vào các ấn phẩm thống kê quốc tế (trên cơ sở số liệu của những năm gần đây), và so sánh tỷ lệ đáp ứng số liệu giữa nước ta với một số nước khác trong khu vực và lân cận.

Ấn phẩm của ADB (Key Indicators – các chỉ tiêu chủ yếu): trong số 271 dòng số liệu thì VN đã lấp đầy được 195 dòng (chiếm gần 72%), trong khi đó Thái Lan 236 dòng (87%), Xin-ga-po 206 dòng (76%), Phi-lip-pin 236 dòng (87%), Mi-an-ma 50 (19%), Ma-lai-xi-a 245 (90%), In-đô-nê-xi-a 175 (65%), Lào 190 (70%), Cam-pu-chia 205 (76%), Trung Quốc 230 (85%), Ấn Độ 136 (50%), ... Như vậy, VN ở mức trung bình thấp, chỉ khá hơn Ấn Độ, Mi-an-ma và Lào. Phần lớn các chỉ tiêu thống kê mà chúng ta không đáp ứng kịp

thời cho ADB là các chỉ tiêu thuộc lĩnh vực thống kê tài chính, tiền tệ, ngân hàng và chỉ tiêu của chính phủ không do TCTK thu thập.

Ấn phẩm của WB (Sổ tay Số liệu - Little Data Book): trong số 48 dòng chỉ tiêu, trang VN mới đáp ứng được 29 dòng, Thái Lan 32, Xin-ga-po 26, Phi-lip-pin 30, Mi-an-ma 21, Ma-lai-xi-a 30, In-đô-nê-xi-a 31, Lào 26, Cam-pu-chia 26, Trung Quốc 32, Ấn Độ 31. Qua đó thấy khả năng VN thấp hơn nhiều quốc gia khu vực và lân cận, chỉ hơn Lào, Cam-pu-chia và Mi-an-ma trong đó chỉ 17 dòng là số liệu có trực tiếp tại TCTK, còn 18 chỉ tiêu là lấy từ các nguồn ước tính của các tổ chức quốc tế. Đặc biệt có những chỉ tiêu mà chúng ta đã công bố rộng rãi, nhưng vẫn thiếu vắng trong các ấn phẩm quốc tế này, ví dụ tỷ lệ nhập học đúng tuổi đã được công bố trong các tài liệu, ấn phẩm thống kê của TCTK.

Ấn phẩm của ESCAP (Các chỉ tiêu thống kê châu Á - Thái Bình Dương-Statistical Indicators for Asia and the Pacific), số liệu tháng của VN hầu như thiếu vắng hoàn toàn, nghĩa là Bảng VN bỏ trống toàn bộ, trong khi với 360 con số theo tháng thì Thái Lan lấp đầy hầu như 100%, Xin-ga-po 100%, Phi-lip-pin 100%, Mi-an-ma 90%, Ma-lai-xi-a 100%, In-đô-nê-xi-a 70%, Ấn Độ 100%, Trung Quốc 100%, mà VN, Lào và Cam-pu-chia 0%. Hầu hết các số liệu trong ấn phẩm này vẫn thường được công bố trong các báo cáo chính thức tháng của TCTK. Điều này đã được ESCAP nhắc nhở thông qua công văn gửi cho lãnh đạo TCTK.

UNSD: trong số 55 chỉ tiêu để theo dõi thực hiện MDGs, VN có được 42, TCTK tự đáp ứng được 18, còn lại do các tổ chức quốc tế ước tính thay. Nếu cứ nhìn vào con số đó và so sánh với các nước khác thì khả năng thống kê VN trên giác độ sẵn sàng cho việc theo dõi thực hiện MDGs còn yếu kém. Nhưng thực ra, sau khi rà soát lại thì thấy VN có thể có 46 chỉ tiêu, trong đó TCTK có thể tự đáp ứng được 44 chỉ tiêu, và với con số này thì khả năng thống kê và tư thế sẵn sàng của TCTK cho việc theo dõi MDGs vào loại khá của thế giới.

Qua đó càng chứng tỏ đáp ứng thông tin thống kê VN cho các tổ chức quốc tế có ảnh hưởng rất nhiều tới uy tín của ngành Thống kê nước ta. Cho nên chân chính và đẩy mạnh hơn nữa công tác này càng tỏ ra cấp thiết.

b. Tổ chức trao đổi các ấn phẩm với quốc tế ở TCTK

Việc tổ chức đáp ứng thông kê cho các đối tượng sử dụng là nước ngoài ở TCTK cũng còn một số vấn đề cần được chấn chỉnh và xem xét lại.

- Trước hết, luồng công văn chưa nhất quán: khi thì gửi lãnh đạo, khi thì gửi Vụ nghiệp vụ, khi thì gửi Vụ HTQT, ... Trong những trường hợp như vậy, có khi thông tin được đáp ứng, có khi nhiệm vụ bị gác lại, và quan trọng hơn cả là không thể theo dõi được. Tại cuộc họp giao ban đầu tháng 10 năm 2005, Tổng cục trưởng TCTK cũng đã có ý kiến nhắc nhở một số đơn vị nhận công văn yêu cầu đáp ứng số liệu cho các tổ chức quốc tế, nhưng chưa gửi số liệu đến cho họ, và họ đã có những công văn phê phán với những lời lẽ nặng nề. Điều này làm suy giảm uy tín của ngành trên vũ đài quốc tế, tới quan hệ mà lẽ ra chúng ta phải tăng cường và củng cố mạnh hơn nữa trong bối cảnh của đất nước hiện nay.

Một số thông tin TCTK không thu thập, phải lấy từ các Bộ ngành, nên nhiều khi không đáp ứng được. Cần xây dựng luồng thông tin riêng, và số liệu lấy từ các Bộ, ngành cũng phải được các Vụ thẩm định. Đặc biệt là những thông tin phải lấy từ nguồn thông kê địa phương thường có sự thiếu nhất quán với số liệu trung ương do “căn bệnh thành tích” đã bẻ cong và bóp méo tính chính xác khách quan của thống kê. Hoặc là từ chối đáp ứng, hoặc là khi đáp ứng phải có sự giải trình rõ.

Trong trao đổi ấn phẩm, quả thực chúng ta còn yếu kém. Trước hết là cách thức tổ chức. Những ấn phẩm đặc trưng nhất của chúng ta là các Niên giám thống kê (đầy đủ và tóm tắt) được gửi cho nước ngoài thông qua Văn phòng với một danh sách ít được cập nhật, và thậm chí thiếu cả sự giám sát, dễ dẫn đến thất lạc. Công văn của ESCAP thông báo không nhận được các tài liệu của TCTK là một minh chứng cho việc đó.

Tờ gấp cũng là một hình thức thông tin hữu hiệu cho các đối tượng nước ngoài hiểu biết về đất nước Việt Nam. Nhưng đối với chúng ta, tuy cũng đã in các tờ gấp miễn phí, song còn rất hạn chế, và việc phổ biến rộng rãi kiểu như Xin-ga-po thì chúng ta vẫn chưa làm được. Có thể do vấn đề kinh phí, nhưng một phần do vấn đề này chưa được quan tâm đúng tầm.

c. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng còn chưa tốt trong việc cung cấp thông tin thống kê cho các đối tượng nước ngoài: những khác biệt cơ bản

Sự khác biệt về phân loại

Thực ra chúng ta vẫn chưa nhìn thấy vai trò trọng yếu của các hệ thống phân loại, chưa thấy chúng cần phải là tài liệu có tính pháp định, không thể thiếu của xí nghiệp, cơ quan Nhà nước, những người nghiên cứu và đề ra chính sách. Chính vì vậy mà đôi khi người làm thống kê cũng xếp đặt thống kê một cách khá tùy tiện, và người sử dụng cũng lại cứ hiểu một cách tùy tiện.

Phân ngành kinh tế, dựa theo ISIC được Thủ tướng Chính phủ ban hành năm 1993, nhưng ít người biết đến các chi tiết. Niên giám Thống kê chỉ công bố các chỉ tiêu ở mức tổng hợp 20 ngành. Còn có những khó hiểu, ví dụ trồng dâu nuôi tằm lại đưa vào cây công nghiệp, trong khi đó lá dâu chỉ để làm thức ăn cho tằm. Ngoài ra còn có những ý niệm không theo chuẩn quốc tế, ví dụ trong lĩnh vực tích lũy, vốn đầu tư xây dựng cơ bản lại bao gồm cả tiền đền bù đất đai, hoa màu, đào tạo công nhân kỹ thuật, thuê chuyên gia, tiền giải phóng mặt bằng,...không đúng với thực chất của khái niệm tích lũy trong kinh tế.

Vấn đề xem xét lại Bảng phân ngành kinh tế quốc dân nước ta đã được đặt ra (VSIC-2005) với các mục tiêu phản ánh được sự thay đổi về các hoạt động kinh tế trong nền kinh tế nước nhà; phản ánh được sự hội nhập kinh tế của nước ta trong nền kinh tế thế giới, đồng thời vẫn phản ánh được đặc điểm của VN; hoàn thiện tương thích của Hệ thống ngành kinh tế quốc dân giữa các phiên bản (ISIC, VSIC-1993, ...) và với các phân loại khác;

Sự khác biệt về nội dung

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI): Những năm gần đây CPI ở nước ta cũng đã được tính toán theo phương pháp luận quốc tế, song phiên toái vẫn là sự khác biệt về nội dung. Chúng ta tính toán được và công bố đều đặn hàng tháng về chỉ số giá tiêu dùng bình quân từng tháng. Nhưng chúng ta lại chỉ công bố CPI hàng tháng mà lại không tính bình quân hàng năm.

Tiêu chuẩn giàu nghèo (đường nghèo): Người ta thường yêu cầu tỷ lệ dân số sống dưới mức nghèo khổ, nhưng ở ta lại sử dụng tỷ lệ hộ gia đình. Dân số và hộ gia đình là hai phạm trù không hẳn giống nhau, vì có yếu tố qui mô hộ gia đình. Để đảm bảo tính so sánh quốc tế của đường nghèo, WB đưa ra 2 mức chuẩn là thu nhập 1 ngày dưới 1 USD và dưới 2USD theo sức mua tương đương (PPP), nhưng TCTK vẫn chưa thực hiện được.

Tỷ lệ thất nghiệp: Đây là chỉ tiêu thống kê rất quan trọng mỗi quốc gia mà nước nào cũng quan tâm công bố đều đặn. Song chỉ tiêu này hầu như rất ít xuất hiện ở ta, có chăng chỉ ở khu vực thành thị, không có ở khu vực nông thôn. Tỷ lệ sử dụng thời gian không phản ánh thực chất thất nghiệp.

Một số khác biệt về phương pháp tính toán: Điều này thể hiện trong cách tính CPI mà lại dùng tháng 12 năm nay so với năm trước để thay thế cho CPI trung bình năm.

Vấn đề về mức độ chi tiết của số liệu: Khi phải cung cấp thông tin về tỷ lệ nhập học các cấp giáo dục, do không công bố cơ cấu dân số chi tiết theo từng độ tuổi, mà chỉ có cơ cấu theo nhóm tuổi, nên mặc dù có số học sinh, song vẫn không thể tính toán được chỉ tiêu cần cung cấp.

Vấn đề bảo mật của số liệu: Đây cũng là vấn đề cản trở quá trình cung cấp số liệu thống kê nước ta cho các tổ chức quốc tế. Hầu hết các số liệu về tài chính, ngân hàng, thu chi ngân sách, với lý do nhạy cảm, đã bị bỏ trống trong các ấn phẩm của quốc tế, hoặc nếu có thì cũng là những con số đã được “làm đẹp”, buộc các tổ chức quốc tế đó tự ước tính theo cơ sở đánh giá của họ.

Cơ chế phổ biến thông tin: TCTK vẫn chưa có được một cơ chế phổ biến thông tin, hoặc ít ra cũng là một qui chế nội bộ về vấn đề cung cấp số liệu cho nước ngoài. Chính đây cũng là lý do cản trở công tác đáp ứng thông tin cho các tổ chức quốc tế.

Tính thiếu nhất quán trong các nguồn tài liệu: điều này gây khó khăn cho người cung cấp thông tin. Ví dụ trong tài liệu “Số liệu thống kê xã hội những năm đầu thế kỷ 21” (Tổng cục Thống kê, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội – 3/2004), trang 14, theo Tổng điều tra dân số và Nhà ở 1/4/1999, tỷ suất sinh thô (CBR) là 1,99%, Tổng tỷ suất sinh (TFR) là 2,3; thế nhưng tại trang

42 của tài liệu “Điều tra biến động dân số và kế hoạch hoá gia đình 1/4/2004 – Những kết quả chủ yếu” (Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội – 2005), cũng theo Tổng điều tra dân số và Nhà ở 1/4/1999, nhưng CBR lại là 2,10, và TFR 2,5. Đây lại là số liệu của Tổng điều tra chứ không phải số liệu điều tra mẫu, là số liệu tổng hợp toàn diện chứ không phải thông qua ước tính, là số liệu được in ra sau 5-6 năm sau Tổng điều tra chứ không phải số liệu tổng hợp sơ bộ ban đầu. Điều đó làm cho khi cung cấp thông tin này cho các tổ chức quốc tế, buộc phải có sự thẩm định lại qua Vụ thống kê chuyên ngành, đồng thời gây sự nghi vấn cho phía người dùng tin một khi họ có những tài liệu đó, đồng thời lại phải có những công văn đáp trả để giải thích bổ sung.

Để góp phần khắc phục tốt những nhược điểm nêu trên, vào ngày 21/9/2005, TCTK đã tổ chức cuộc họp về “Chuẩn hoá về khái niệm, nội dung, phương pháp tính các chỉ tiêu trong Hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia”, việc triển khai công tác này là cấp thiết.

Ngoài ra, nhận thấy còn nhiều những khác biệt trong các vấn đề từ khâu soạn thảo, phân loại lẫn các khía cạnh khác của số liệu thống kê nước ta, mặc dù trong những năm qua TCTK đã có nhiều cố gắng khắc phục, Tổng cục Trưởng TCTK cũng đã tuyên bố quyết tâm, và thực tế là đang tiến hành, việc đổi mới công tác thống kê để có thể đáp ứng nhu cầu về số liệu thống kê đạt tiêu chuẩn quốc tế. Vấn đề này đã được đề cập trong Lễ ký kết Dự án Hỗ trợ Giám sát Phát triển kinh tế – xã hội giữa TCTK và UNDP ngày 20/10/2005 tại Hà Nội. Với sự hỗ trợ này, TCTK sẽ là địa chỉ tin cậy cung cấp những số liệu thống kê đạt tiêu chuẩn quốc tế.

Sự thiếu vắng số liệu về những vấn đề mới nổi cộm: Qua theo dõi nhu cầu và thực tế cung cấp thông tin cho quốc tế, thấy cần bổ sung chức năng nhiệm vụ cho các đơn vị ở TCTK theo dõi các chỉ tiêu thuộc những lĩnh vực mới, mà lâu nay thiếu vắng trong thống kê truyền thống, như thống kê ngoại giao, thống kê hội nhập quốc tế, ví dụ số Hiệp ước đã ký kết và số cuộc đàm phán đã thực hiện (phân theo đối tác và lĩnh vực). Dù có đề Thống kê Bộ, ngành thu thập thì TCTK cũng nên có đơn vị theo dõi, thẩm định khi cần. Ví dụ thống kê ngoại giao có thể giao cho Vụ HTQT.

d. Các nguồn thông tin thống kê nước ta đáp ứng cho các đối tượng nước ngoài

Luật Thống kê qui định TCTK chỉ thực hiện thu thập và xử lý các số liệu có tính chất tổng hợp vĩ mô và các cuộc điều tra lớn hay Tổng điều tra. Số liệu chuyên ngành hẹp đều do các Bộ ngành thu thập, xử lý và báo cáo cho TCTK theo chế độ qui định. Vì vậy nhiều thông tin do các tổ chức quốc tế yêu cầu đã không có khả năng đáp ứng được đầy đủ và kịp thời.

Qua nghiên cứu nhu cầu thông tin thống kê của tổ chức quốc tế, có thể phân các nguồn thông tin để đáp ứng như sau:

Số liệu thống kê không thuộc Hệ thống chỉ tiêu quốc gia thì phải thu thập trực tiếp từ các Bộ ngành liên quan. Các thống kê khác lấy từ TCTK. Bản thân trong TCTK cũng phân các luồng thông tin từ các Vụ nghiệp vụ:

- Những số liệu đã công bố trên ấn phẩm thì sử dụng ngay để cung cấp;
- Những số liệu phải chế biến, xử lý thêm thì phân xuống cho các Vụ nghiệp vụ chuyên ngành.

e. Quan điểm về tổ chức phổ biến thống kê VN cho nước ngoài

Qua nghiên cứu, tìm hiểu, trao đổi, thấy có quan điểm tập trung; quan điểm phân cấp và quan điểm hỗn hợp trong việc cung cấp thông tin thống kê cho các đối tượng nước ngoài.

Quan điểm tập trung ở đây nghĩa là việc cung cấp thông tin thống kê cho tất cả các đối tượng nước ngoài được tập trung về một đầu mối, có thể là Vụ HTQT, Vụ Thống kê tổng hợp, hoặc Trung tâm tư liệu Thống kê.

Quan điểm phân cấp có nghĩa là để các đơn vị trong Tổng cục đều có nghĩa vụ cung cấp thông tin cho quốc tế đối với các số liệu liên quan tới nhiệm vụ thu thập của đơn vị mình.

Quan điểm hỗn hợp có nghĩa là kết hợp giữa quan điểm tập trung và phân cấp, tức là đối với yêu cầu của các tổ chức quốc tế mà TCTK có nhiệm vụ phải cung cấp, hay những trường hợp hợp tác song phương hay đa phương liên quan tới quan hệ đối ngoại thì để Vụ HTQT thực hiện, còn đối với các đối tượng khác thì để Trung tâm tư liệu thống kê thực hiện vì còn liên quan

tới việc thu một phần kinh phí, vì đơn vị này có chức năng nhiệm vụ làm dịch vụ thông tin và có Tài khoản riêng, có thẩm quyền thu chi.

Mỗi quan điểm đều có thuận lợi và khó khăn riêng. Nhưng chiếu theo chức năng nhiệm vụ đã được ban hành cho các đơn vị, thì Vụ HTQT đảm nhiệm chức năng đầu mối là hợp lý nhất, nhưng với phần việc có thu phí thì Vụ HTQT chuyển cho Trung tâm tư liệu Thống kê.

Công cụ phổ biến thông tin: Trước đây, khoa học kỹ thuật và công nghệ thông tin còn ở trình độ phát triển chưa cao ở đất nước ta, chủ yếu công cụ trao đổi thông tin vẫn chỉ là hình thức thông qua con đường công văn và ấn phẩm, song chậm, độ tin cậy đôi khi bị hạn chế do các công đoạn nhập tin và sao chép cơ học.

Ngày nay, với sự phát triển của công nghệ thông tin, các hình thức truyền tin và vật mang tin điện tử đã thông dụng và đạt nhiều thành tựu. Việc phổ biến thống kê bằng biện pháp điện tử đã trở nên thiết thực và hữu hiệu.

II. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP XÁC ĐỊNH NỘI DUNG VÀ HÌNH THỨC CUNG CẤP THÔNG TIN CHO QUỐC TẾ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ HTQT CỦA TCTK

Qua phân tích tầm quan trọng của HTQT và thực tế nội dung và hình thức cung cấp thông tin cho các đối tượng nước ngoài, nhu cầu thống kê VN của các tổ chức quốc tế ngày càng đa dạng và phong phú. Qua tìm hiểu, phân tích đánh giá và so sánh với một số quốc gia khu vực và lân cận, qua kinh nghiệm thu lượm được, có thể đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả HTQT của TCTK.

1. Về nội dung thông tin cung cấp cho quốc tế

– Trước hết, rà soát toàn bộ hệ thống chỉ tiêu cần cung cấp, phân biệt và định rõ những chỉ tiêu thường xuyên và không thường xuyên;

– Tiếp theo, đối chiếu với thực tế thống kê VN, phân biệt những chỉ tiêu có sẵn và chưa có sẵn phải thu thập hay tính toán mới;

– Xác định nguồn cung cấp: từ thống kê các Bộ, ngành, hay nguồn có ở TCTK, để từ đó có biện pháp thu thập kịp thời:

- Nếu từ các Bộ, ngành thì phải thu thập, nếu không có, cần trả lời rõ cho các tổ chức quốc tế hay người dùng tin;
- Nếu nguồn là TCTK thì xác định xem thông tin có sẵn không, nếu soạn thảo mới thì cần phối hợp với các Vụ nghiệp vụ chuyên ngành;
 - Tìm những khác biệt để điều chỉnh cho phù hợp.
 - Lồng ghép yêu cầu của quốc tế vào các cuộc điều tra của TCTK.
 - Tăng cường tính nhất quán giữa số liệu trung ương và địa phương, TCTK và các Bộ, ngành trong mọi lĩnh vực và theo mọi khía cạnh.
 - Cần xây dựng hệ thống chỉ tiêu theo dõi những vấn đề mới nổi lên trong xã hội, như hội nhập quốc tế chẳng hạn. Và giao nhiệm vụ này cho một đơn vị thích hợp của Tổng cục.

2. Hợp lý hoá cách tổ chức đáp ứng thông tin thống kê cho quốc tế

- a. Tập trung việc đáp ứng thông tin thống kê cho các tổ chức quốc tế về một đầu mối là Vụ HTQT, nếu để các đơn vị khác nhau cung cấp dễ dẫn đến tình trạng các con số sẽ khác nhau, làm giảm uy tín của ngành.
- b. Đối với các đối tượng cần thu một khoản tiền để bù đắp chi phí, thì đưa về Trung tâm tư liệu Thống kê, để đảm bảo sự hợp lý của các thủ tục tài chính, và cần có sự phối hợp chặt chẽ với Vụ HTQT và các Vụ nghiệp vụ.
- c. Trao đổi nhiều và rộng rãi hơn nữa các ấn phẩm thống kê của VN với quốc tế. Đây là hình thức cổ truyền nhưng quan trọng vì được nhiều quốc gia quan tâm để lưu trữ, trưng bày, phục vụ đông đảo công chúng.
- d. Cần xây dựng các cơ sở dữ liệu đơn giản (có thể chỉ dưới dạng các Bảng tính) chuyên riêng cho từng đối tượng thường xuyên, từng lĩnh vực mới xuất hiện mà các tổ chức, cơ quan quốc tế đòi hỏi nhiều (ví dụ như MDGs) và cập nhật số liệu đầy đủ.

KẾT LUẬN

- HTQT là công tác có tầm quan trọng đặc biệt trong bối cảnh nước ta đang phấn đấu phát triển trên con đường hội nhập. Cung cấp thống kê cho

các đối tượng nước ngoài là nhiệm vụ truyền thống được quy định trong Quyết định thành lập Vụ HTQT của Tổng cục trưởng TCTK.

- Cung cấp thông kê VN đầy đủ, chính xác, kịp thời cho các đối tượng quốc tế vừa là sự đóng góp nghĩa vụ, vừa là hình thức quảng bá hình ảnh của đất nước cho công chúng toàn cầu qua những con số.

- Đưa được nhiều thông tin thông kê VN cho nhiều đối tượng nước ngoài vừa là hình thức nâng cao uy tín và vị thế của ngành, vừa là biện pháp trực tiếp thu hút bạn bè quốc tế, góp phần phát triển đất nước.

- Ngày nay, các hình thức cung cấp số liệu truyền thống đã tiến bộ, nhanh nhậy, phong phú hơn, song trao đổi ấn phẩm vẫn không hề giảm ý nghĩa.

- Với xu thế toàn cầu hoá kinh tế, đất nước chủ động hội nhập và mở vòng tay đón các nhà đầu tư nước ngoài, nhu cầu thông tin thông kê VN của các đối tượng quốc tế ngày càng phong phú, đa dạng và chi tiết, ngày càng xuất hiện nhiều tổ chức quốc tế, các lĩnh vực mới, với yêu cầu thông tin khác nhau làm cho đáp ứng số liệu càng nhiều gánh nặng, phức tạp.

- Thực tế của việc đáp ứng số liệu thông kê VN cho các đối tượng nước ngoài những năm qua đã có nhiều tiến bộ, nhưng vẫn còn những bất cập đòi hỏi phải đổi mới và cải tiến nhiều hơn nữa mà kết quả nghiên cứu đề tài này hy vọng là một phần đóng góp.

KIẾN NGHỊ

- TCTK cần phải ra được một qui chế nội bộ về việc cung cấp thông tin thông kê Việt nam cho các đối tượng sử dụng nước ngoài.

- Cần thực hiện được các giải pháp được đề xuất ở phần nêu trên.

- Cần xây dựng được kênh thông tin với các cơ quan Bộ, ngành khác liên quan tới số liệu cung cấp cho nước ngoài, mà nếu chỉ trông chờ vào Hệ thống chỉ tiêu thông kê quốc gia thì chưa đủ.

- Phải nâng cao hơn nữa độ chính xác của số liệu thống kê, tính nhất quán giữa thông kê trung ương và địa phương, thông kê tập trung và các Bộ, ngành; và cần công bố nhất quán kết quả.